

XÁC ĐỊNH YÊU CẦU ĐỔI MỚI CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN NGÀNH GIÁO DỤC THỂ CHẤT TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC

Phạm Đức Viễn⁽¹⁾

Tóm tắt:

Sử dụng các phương pháp nghiên cứu cơ bản trong lĩnh vực TĐTT, tác giả đã xác định được các yêu cầu đổi mới về mục tiêu, nội dung và tổ chức hoạt động đào tạo, cử nhân ngành GDTC, Trường Đại học Tây Bắc, làm cơ sở tác động các giải pháp đổi mới chương trình đào tạo cho đối tượng nghiên cứu.

Từ khóa: đổi mới, mục tiêu đào tạo, nội dung đào tạo, tổ chức hoạt động đào tạo, đổi mới nội dung chương trình đào tạo, Trường Đại học Tây Bắc.

Identifying requirements and content of innovation in the undergraduate training program of Physical Education at Tay Bac University

Summary:

Using basic research methods in the field of physical education and sports, identifying requirements for innovation in goals, content and organization of training activities, and at the same time identifying innovative content for the bachelor's training program in Physical Education, Tay Bac University, as a basis for impacting solutions for innovation in training programs for the research subjects.

Keywords: innovation, training objectives, training content, training activities organization, innovation of training program content, Tay Bac University.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã và đang có ảnh hưởng sâu sắc mọi mặt của đời sống xã hội. Trước những yêu cầu mới của thực tiễn đặt ra, việc đổi mới giáo dục, đào tạo nhằm đáp ứng tốt hơn với cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (4.0) là rất bức thiết.

Để đáp ứng yêu cầu cấp bách đó, cùng với các giải pháp đồng bộ như tăng cường cơ sở vật chất phục vụ công tác dạy và học, đổi mới kế hoạch đào tạo, đổi mới phương pháp giảng dạy nâng cao chất lượng giáo dục, nâng cao trình độ chuyên môn của mỗi giáo viên thì vấn đề xây dựng, đổi mới chương trình đào tạo (CTĐT) của các ngành đào tạo, các hệ đào tạo, các bậc đào tạo trong các trường là một vấn đề rất cần thiết và phải được chú trọng đúng mức. Tuy nhiên, vấn đề này lại chưa được quan tâm chú ý đúng mức đối với CTĐT với cử nhân ngành GDTC tại Đại học Tây Bắc.

Để có căn cứ tác động các giải pháp đổi mới CTĐT cử nhân ngành GDTC tại Đại học Tây

Bắc, việc xác định yêu cầu và nội dung đổi mới là vấn đề cần thiết và cấp thiết.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Quá trình nghiên cứu sử dụng các phương pháp như: Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu, Phương pháp phỏng vấn, Phương pháp toán học thống kê.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

1. Xác định yêu cầu đổi mới CTĐT cử nhân ngành GDTC tại Trường Đại học Tây Bắc

Trên các cơ sở lý luận và thực tiễn về xây dựng CTĐT, qua quá trình tham khảo, phân tích các tài liệu có liên quan đến xây dựng CTĐT, các quan điểm của chuyên gia, các nhà xây dựng CTĐT theo hướng đáp ứng nhu cầu xã hội và phát triển năng lực người học, chúng tôi mạnh dạn xác định các yêu cầu đổi mới khi xây dựng CTĐT cử nhân ngành GDTC ở Trường Đại học Tây Bắc theo định hướng “đào tạo theo nhu cầu xã hội” như sau:

1.1. Yêu cầu đổi mới mục tiêu đào tạo

Mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể: Mục tiêu

⁽¹⁾TS, Trường Đại học Tây Bắc; Email: ducvientbu@gmail.com

cụ thể theo định hướng đào tạo theo nhu cầu xã hội và phát triển năng lực người học cần phải được nhìn nhận đó chính là đáp ứng được yêu cầu của người sử dụng lao động. Và đó cần được xem chính là chuẩn đầu ra.

Kết quả khảo sát đánh giá thực trạng về mục tiêu CTĐT đã cho thấy: Mục tiêu chương trình được xây dựng giữa các trường và giữa các ngành đào tạo chưa có sự khác biệt rõ. Điều này vừa chưa tạo ra được định hướng trong đào tạo, vừa chưa khẳng định được chất lượng sản phẩm đầu ra làm căn cứ cho các nhà tuyển dụng lựa chọn lao động phù hợp với mục đích sử dụng.

Do đó, rất cần phải khác biệt hóa mục tiêu đào tạo chung giữa các trường và các ngành đào tạo, đặc biệt phải cụ thể hóa được mục tiêu cụ thể của một CTĐT. Chúng tôi cho rằng, mục tiêu đào tạo là mục rất quan trọng, bởi nó xác định điều nhà trường hướng tới, mang tính định hướng hơn là kết quả cụ thể. Tuy nhiên, mục tiêu đó phải được thể hiện ở kết quả cuối cùng mà mỗi ngành đào tạo muốn đạt được. Mục tiêu cụ thể, theo định hướng đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội, cần phải được nhìn nhận đó chính là đáp ứng được yêu cầu của người sử dụng lao động. Và đó cần được xem chính là chuẩn đầu ra - những yêu cầu cần đạt đối với sinh viên để có thể được cấp bằng cho chuyên ngành cụ thể. Khi đó, chuẩn đầu ra của mỗi ngành chắc chắn sẽ khác nhau (thậm chí mỗi chuyên ngành trong một ngành sẽ khác nhau). Đó là cơ sở để nhà tuyển dụng lựa chọn cho mình đúng người cần cho công việc mà họ phải đảm nhiệm. Khi đó, chuẩn đầu ra sẽ là điểm khác biệt mà nhà trường xây dựng cho chính thương hiệu của ngành, của nhà trường qua năng lực làm việc của sinh viên. Chắc chắn, khi đã công bố chuẩn đầu ra và xem đó là tiêu chí để cạnh tranh và khẳng định thương hiệu, các trường sẽ phải xây dựng và triển khai CTĐT một cách cẩn trọng nhằm trang bị cho sinh viên đúng những kiến thức và kỹ năng đã xác định trong chuẩn đầu ra. Đó vừa là mục tiêu nhưng cũng là động lực để các trường cải tiến hoạt động đào tạo của mình theo định hướng nhu cầu xác thực ở thị trường lao động.

1.2. Yêu cầu đổi mới nội dung đào tạo

Nội dung CTĐT phải có tính linh hoạt

Tính linh hoạt trong CTĐT có thể được thể

hiện ở nhiều khía cạnh. Đầu tiên, một số tiêu chuẩn bổ sung trong mục tiêu nhất thiết phải yêu cầu sinh viên đạt được (tích lũy được theo yêu cầu) thì mới cấp bằng. Ví dụ, trong thời đại toàn cầu hóa như ngày nay, các kỹ năng như ngoại ngữ, sử dụng máy tính... là không thể thiếu được đối với sinh viên nói chung, ngành GDTC nói riêng. Tuy nhiên, thời lượng giảng dạy trong nhà trường có hạn, do đó bản thân sinh viên phải tự mình học hỏi, nghiên cứu và thực hành để đảm bảo yêu cầu sau khi ra trường có thể đáp ứng yêu cầu của nhà tuyển dụng. Trên quan điểm đó chúng tôi mạnh dạn đề xuất: Nhà trường quy định chứng chỉ Tin học, Ngoại ngữ phải được cấp bởi Trung tâm Tin học - Ngoại ngữ của Nhà trường, vì như vậy có thể quản lý chặt hơn về chất lượng các chứng chỉ đó. Sinh viên sẽ phải trả tiền cho việc học thêm này và đó chính là áp lực để sinh viên tự học. Như vậy, kiến thức và kỹ năng có được sau khi ra trường sẽ thắm hơn và sẽ trở thành bản năng của họ.

Tính linh hoạt còn thể hiện ở chỗ, để đáp ứng theo nhu cầu của thị trường lao động, CTĐT cũng cần được xem lại cho từng khóa. Tất nhiên, việc rà soát lại chương trình cũng thường chỉ nên thực hiện với các môn học tự chọn và ở cấp độ chuyên ngành. Thậm chí, nếu nhận được đặt hàng của các trường Trung học cơ sở/Phòng giáo dục, nhà trường có thể thiết kế CTĐT với các học phần phù hợp với ngành nghề và vị trí công việc mà đơn vị đó có nhu cầu. Điều này càng thể hiện tính “định hướng thị trường”, đào tạo theo nhu cầu xã hội của giáo dục đại học.

Nội dung các môn học trong CTĐT phải đảm bảo phù hợp với mục tiêu đào tạo.

Mục tiêu “Đáp ứng nhu cầu xã hội” - nghĩa là đào tạo ra những giáo viên phù hợp với những nhu cầu đòi hỏi của xã hội về một giáo viên ngành GDTC. Vì vậy việc lựa chọn các môn học và khối lượng (ĐVHT) của mỗi môn học có tính chất quyết định đến sự thành công của CTĐT.

Nội dung môn học được lựa chọn phải thể hiện được tính cập nhật về cấu trúc; nội dung phải thể hiện được tính độc lập; kiến thức có giá trị sử dụng bền lâu, phổ cập trong quá trình triển khai và ứng dụng.

Các môn học được đưa vào CTĐT phải đảm bảo hài hòa giữa kiến thức, kỹ năng, phương

pháp tổ chức giảng dạy, phương pháp tổ chức huấn luyện, phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài.

Kiến thức cơ bản là những kiến thức cập nhật và có hiệu quả trực tiếp, đồng thời còn là cơ sở để người học tiếp tục phát triển hiểu biết của mình trên nền kiến thức đó.

Kiến thức và kỹ năng về kỹ thuật môn thể thao được lựa chọn phải phù hợp với nội dung chương trình môn Thể dục ở trường phổ thông; có khả năng đáp ứng được yêu cầu đòi hỏi của hoạt động ngoại khóa trong nhà trường phổ thông; đáp ứng được các hoạt động lễ hội, các cuộc thi đấu thể thao của địa phương nơi công tác.

Bất cứ nội dung môn thể thao được lựa chọn đưa vào CTĐT đều phải giải quyết hai nhiệm vụ: trang bị kiến thức - kỹ năng và hướng nghiệp.

Nội dung đề cương chi tiết các học phần:

Nội dung đề cương chi tiết các học phần phải được xây dựng sao cho đảm bảo đầy đủ và hài hòa 4 yếu tố: Kiến thức, kỹ năng, phương pháp giảng dạy, phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài, và đổi mới theo hướng đáp ứng nhu cầu xã hội vì trong CTĐT nhất thiết phải có đề cương chi tiết của từng học phần để bảo đảm tính thống nhất cho tất cả các giảng viên tham gia giảng dạy.

Thực tế hiện nay tại không ít cơ sở đào tạo, nội dung của đề cương chi tiết phụ thuộc vào người thiết kế ra nó hoặc phụ thuộc vào giảng viên. Chi tiết về mục tiêu và nội dung phụ thuộc vào sự hiểu biết cũng như mức độ quan tâm của từng giảng viên. Một học phần nhưng được dạy bởi hai giảng viên khác nhau trong cùng một bộ môn có thể theo đuổi những mục tiêu rất khác nhau có thể dẫn tới sinh viên có tư duy khác nhau về cùng một học phần. Đó chính là lý do làm cho chất lượng đào tạo trong một cơ sở không ổn định. Tất nhiên, có thể chấp nhận một thực tế, một khái niệm căn bản nào đó có cách áp dụng và tương tác khác nhau tùy theo sự nhấn mạnh của giảng viên nhưng về mặt bản chất, nó cần thống nhất về nội dung. Do đó, việc thống nhất nội dung chi tiết của từng học phần trong CTĐT là thực sự cần được quan tâm.

1.3. Yêu cầu đổi mới tổ chức hoạt động đào tạo

Tổ chức các hoạt động đào tạo là sự bố trí, sắp xếp, tiến hành các công việc cụ thể nhằm thực hiện mục tiêu của CTĐT đề ra, vì vậy việc

tổ chức tốt các hoạt động đào tạo sẽ góp phần tạo nên sự thành công của một CTĐT. Trong phạm vi nghiên cứu này, chúng tôi đề xuất đổi mới 2 hoạt động đào tạo đó là hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm và hoạt động ngoại khóa của sinh viên.

Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm do quỹ thời gian hạn hẹp, vì vậy cần có sự đổi mới hình thức tổ chức rèn luyện nghiệp vụ sư phạm (đổi mới bằng hình thức yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước các nội dung có liên quan đến nghiệp vụ sư phạm dưới dạng bài tập chấm điểm, có cung cấp tài liệu chuyên môn cho sinh viên) qua đó nâng cao hiệu quả công tác rèn luyện nghiệp vụ sư phạm.

Hoạt động ngoại khóa của sinh viên trước đây chủ yếu là hoạt động tự phát, ngoại khóa dưới hình thức tham gia câu lạc bộ thể thao hoặc ngoại khóa khi tham gia các hoạt động tập luyện cho giải thi đấu thể thao do Nhà trường hoặc các đơn vị tổ chức. Điều đó làm cho hoạt động ngoại khóa không được thường xuyên và không phát huy hết những ưu điểm của hoạt động ngoại khóa đối với tất cả sinh viên. Vì vậy chúng tôi định hướng đổi mới hoạt động ngoại khóa với 2 nội dung:

(1) Ngoại khóa với một kế hoạch được xây dựng trước cho tất cả các năm học và hoạt động này có sự tham gia hướng dẫn của giáo viên.

(2) Nội dung ngoại khóa tập trung vào cả 2 lĩnh vực là bồi dưỡng kiến thức và bồi dưỡng kỹ năng chuyên môn của các môn thể thao có trong CTĐT.

2. Xác định nội dung đổi mới Chương trình đào tạo cử nhân ngành Giáo dục thể chất tại Trường Đại học Tây Bắc

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn CTĐT cử nhân ngành GDTC tại Trường Đại học Tây Bắc, chúng tôi đã xác định được 07 nội dung đổi mới cơ bản khi đổi mới CTĐT cho đối tượng nghiên cứu.

Để có thêm căn cứ xác định nội dung đổi mới CTĐT cử nhân ngành GDTC tại Trường Đại học Tây Bắc, chúng tôi sử dụng phỏng vấn bằng phiếu hỏi khảo sát ý kiến đánh giá CTĐT của các đối tượng liên quan như nhà tuyển dụng, giảng viên, sv đã tốt nghiệp, sv đang học. Kết quả được thể hiện ở bảng 1.

Bảng 1. Kết quả khảo sát ý kiến đánh giá về chương trình đào tạo của các đối tượng liên quan

TT	Định hướng đổi mới CTĐT	Kết quả khảo sát							
		Nhà tuyển dụng (n=120)		Giảng viên (n=40)		SV đã tốt nghiệp (n=100)		SV đang học (n=100)	
		m _i	%	m _i	%	m _i	%	m _i	%
1	<i>Mục tiêu đào tạo của ngành học rõ ràng</i>								
	Đồng ý	93	77.50	34	84.40	78	78.00	72	72.00
	Không đồng ý	27	22.50	6	15.60	22	22.00	28	28.00
2	<i>Nội dung CTĐT phù hợp với trình độ sinh viên</i>								
	Đồng ý	85	70.80	31	78.40	75	75.00	80	80.00
	Không đồng ý	35	29.20	9	21.60	25	25.00	20	20.00
3	<i>Thời lượng của CTĐT đủ để phát triển kiến thức kỹ năng theo mục tiêu đào tạo</i>								
	Đồng ý	84	70.00	30	74.40	72	72.00	72	72.00
	Không đồng ý	36	30.00	10	25.60	28	28.00	28	28.00
4	<i>Tỉ lệ giữa các học phần lý thuyết và thực hành là hợp lý</i>								
	Đồng ý	97	80.80	33	83.20	73	73.00	74	74.00
	Không đồng ý	23	19.20	7	16.80	27	27.00	26	26.00
5	<i>Thời lượng các học phần thực hành đủ để hình thành các kỹ năng nghề nghiệp chuyên môn</i>								
	Đồng ý	84	70.00	31	78.40	73	73.00	71	71.00
	Không đồng ý	36	30.00	9	21.60	27	27.00	29	29.00
6	<i>Nội dung các học phần đào tạo kỹ năng mềm như giao tiếp, làm việc nhóm, nghiên cứu khoa học phù hợp yêu cầu xã hội</i>								
	Đồng ý	87	72.50	32	81.60	76	76.00	70	70.00
	Không đồng ý	33	27.50	8	18.40	24	24.00	30	30.00
7	<i>Nội dung CTĐT phù hợp với yêu cầu xã hội</i>								
	Đồng ý	89	74.20	31	78.00	71	71.00	71	71.00
	Không đồng ý	31	25.80	9	22.00	29	29.00	29	29.00

Qua bảng 1 cho thấy:

Mục tiêu của ngành học rõ ràng được nhà tuyển dụng đánh giá đạt 93/120 chiếm 77.5%, giảng viên với tỉ lệ đồng ý 34/40 chiếm 84.4%, sv đã tốt nghiệp và sv đang học có tỉ lệ đồng ý tương đối cao chiếm từ 72 đến 78%. Như vậy, còn tới hơn 20% số người được hỏi cảm thấy mục tiêu của ngành học chưa rõ ràng. Điều đó cho thấy, cần cải tiến mục tiêu của ngành học theo hướng rõ ràng hơn, nêu rõ định lượng cần đạt được của ngành học, bao gồm cả mục tiêu tổng quát và mục tiêu chi tiết.

Chương trình đào tạo phù hợp với trình độ sinh viên được nhà tuyển dụng đánh giá chiếm 70.8%, giảng viên đánh giá chiếm 78.4%, sv đang học đánh giá khá cao chiếm 80.3%, sinh viên đã tốt nghiệp đánh giá 80%. Ở nội dung này, vẫn còn từ 20% trở lên ở tất cả các đối tượng cho rằng CTĐT chưa thực sự phù hợp. Chính vì vậy, cần thiết phải tiến hành đổi mới nội dung CTĐT theo hướng phù hợp thực tiễn.

Thời lượng của CTĐT đủ để phát triển kiến thức kỹ năng theo mục tiêu đào tạo được nhà tuyển dụng, giảng viên, sv đã tốt nghiệp và sv



Sinh viên chuyên ngành GDTC sau khi tốt nghiệp sẽ trở thành các giáo viên GDTC trong trường học các cấp

đang học đánh giá mức khá, hầu hết đạt tỷ lệ chiếm từ 70% - 74%. Như vậy, ở nội dung này, có tới 25% số người phỏng vấn ở tất cả các đối tượng cho rằng thời lượng CTĐT chưa phù hợp thực tế. Căn cứ kết quả thực trạng và kết quả xin ý kiến các chuyên gia, chúng tôi đã thống nhất tăng thời lượng chương trình từ 130 tín chỉ lên 150 tín chỉ. Căn cứ từ thực tiễn, chúng tôi xác định sẽ đổi mới thời lượng các học phần theo hướng tăng thời lượng ở các môn tự chọn và các môn chuyên ngành.

Tỷ lệ giữa các học phần lý thuyết và thực hành là hợp lý được nhà tuyển dụng đánh giá rất cao chiếm 80.8%, và giảng viên với tỉ lệ đồng ý đạt 83.2%, sv đã tốt nghiệp và sv đang học đánh giá chiếm từ 73% trở lên.

Thời lượng các học phần thực hành đủ để hình thành các kỹ năng nghề nghiệp chuyên môn được nhà tuyển dụng, giảng viên, sv đã tốt nghiệp đánh giá cao, chiếm 70% trở lên. Vấn đề này cũng có gần 30% số người được phỏng vấn đánh giá chưa phù hợp.

Nội dung các học phần đào tạo kỹ năng mềm như giao tiếp, làm việc nhóm, nghiên cứu khoa học đáp ứng yêu cầu xã hội hầu hết các ý kiến của các đối tượng liên quan đều đánh giá ở mức khá, chiếm từ 70% - 81.6%. Với CTĐT phù hợp với yêu cầu xã hội các đối tượng liên quan đều đánh giá tỉ lệ từ 71.0 đến 78.0%.

Tóm lại, qua nghiên cứu cho thấy, cần đổi mới nội dung chương trình đào tạo cử nhân ngành GDTC của Trường Đại học Tây Bắc theo định hướng: Đổi mới mục tiêu đào tạo; Tăng thời lượng CTĐT và thời lượng của các môn tự chọn và các môn chuyên ngành trong CTĐT; Tăng cường đào tạo kỹ

năng mềm và xây dựng CTĐT theo hướng đáp ứng nhu cầu xã hội.

KẾT LUẬN

1. Xác định được 03 yêu cầu đổi mới CTĐT cử nhân ngành GDTC tại Trường Đại học Tây Bắc bao gồm: đổi mới mục tiêu, đổi mới nội dung và đổi mới tổ chức hoạt động đào tạo.

2. Quá trình nghiên cứu xác định được đổi mới nội dung CTĐT cử nhân ngành GDTC tại Trường Đại học Tây Bắc theo định hướng: Đổi mới mục tiêu đào tạo; Tăng thời lượng CTĐT và thời lượng của các môn tự chọn và các môn chuyên ngành trong CTĐT; tăng cường đào tạo kỹ năng mềm và xây dựng CTĐT theo hướng đáp ứng nhu cầu xã hội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Dương Nghiệp Chí, Nguyễn Danh Thái và cộng sự (2003), *Thực trạng thể chất người Việt Nam từ 6 tới 20 tuổi (thời điểm 2001)*, Nxb TĐTT, Hà Nội.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2009), *Thông tư 30/2009/TT-BGDĐT ngày 22/10/2009 ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên THCS, giáo viên THPT*.

3. <http://www.vnua.edu.vn/phongban/dbcl/index.php/vi/2013-01-18-18-26-32/b-tieu-chu-n-aun>, Bộ tiêu chuẩn AUN.

(Bài nộp ngày 30/5/2024, Phản biện ngày 19/7/2024, duyệt in ngày 28/11/2024)